

Báo cáo Thị trường Hồ tiêu

Năm 2025

Báo cáo cập nhật bức tranh toàn cảnh về tình hình sản xuất, biến động giá cả, tình hình tiêu thụ và các dự báo về thị trường hồ tiêu trong nước và thế giới.



Mục lục

Tóm tắt	03
Phần I: Thị trường hồ tiêu thế giới	04
1. Sản xuất - tiêu thụ	05
2. Xuất khẩu, nhập khẩu	06
3. Diễn biến giá	12
Phần II: Thị trường hồ tiêu Việt Nam	15
1. Nguồn cung	16
2. Nhập khẩu	16
3. Tình hình xuất khẩu	17
4. Diễn biến giá	21
5. Dự báo	22
Phần III: Hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp trong ngành	23
Phần IV: Sự kiện nổi bật trong ngành hồ tiêu	26
Phụ lục	29

Viết tắt, giải nghĩa

ASTA: Hiệp hội Thương mại Gia vị Mỹ

Bulog: Cơ quan Hậu cần quốc gia
Indonesia

Comex Stat: Trung tâm Thống kê Ngoại
thương Nhà nước Brazil

CPSF: Liên đoàn Hồ tiêu và Gia vị
Campuchia

IPC: Hiệp hội Hồ tiêu Quốc tế

IPSTA: Hiệp hội Thương mại Hồ tiêu và
Gia vị Ấn Độ

KPPA: Hiệp hội Xúc tiến Hồ tiêu Kampot

USITC: Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ

VPSA: Hiệp hội Hồ tiêu và cây gia vị
Việt Nam

Để thuận tiện hơn trong việc xem và tra cứu báo cáo này, xin mời quý vị tải bản PDF về và mở trên các phần mềm chuyên dụng như Adobe PDF Reader hoặc Foxit Reader.

Tóm tắt

- Theo Hiệp hội Hồ tiêu Quốc tế (IPC), năm 2025, sản lượng hồ tiêu toàn cầu ước đạt khoảng 537.000 tấn, giảm nhẹ 2,9% so với năm 2024 và giảm 6,9% so với năm 2023. Nguyên nhân chủ yếu đến từ giai đoạn giá thấp kéo dài, chi phí đầu vào tăng cao và các yếu tố thời tiết bất lợi. Trong đó, Việt Nam chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng cung toàn cầu với 36,3%, tiếp theo là Ấn Độ chiếm 15,8% và Brazil đứng ở vị trí thứ 3 chiếm 15,1%.
- Năm 2025, tổng lượng hồ tiêu xuất khẩu toàn cầu đạt khoảng 430.000 tấn, giảm 2,7% so với năm 2024. Điều này cho thấy thương mại hồ tiêu thế giới đang bước vào giai đoạn điều chỉnh nhẹ, do nguồn cung giảm, giá tăng cao và nhu cầu tại một số thị trường suy yếu, đặc biệt là thị trường Mỹ do tác động của thuế đối ứng.
- Theo thống kê của Comexstat, Brazil đã xuất khẩu tổng cộng 83.027 tấn hồ tiêu trong năm 2025, tương ứng kim ngạch thu về đạt kỷ lục 517,8 triệu USD, so với năm 2024 lượng xuất khẩu tăng 34,6%, kim ngạch tăng 81,1% và so với năm 2023 lượng xuất khẩu tăng 2,9%, kim ngạch tăng 105,3%.
- Việc sản lượng toàn cầu giảm trong khi nhu cầu tiêu thụ không giảm tương ứng là yếu tố quan trọng góp phần duy trì mặt bằng giá hồ tiêu cao trong năm 2025. Trong đó, tiêu đen Malaysia tăng mạnh nhất, tăng tới 37,4%; tiếp đến là Indonesia tăng 21,4%; Việt Nam từ 16,9 - 19%...
- Hiệp hội Hồ tiêu và cây gia vị Việt Nam (VPSA) cho biết, năm 2025, sản lượng hồ tiêu của Việt Nam vào khoảng 195.000 tấn, tăng so với mức 180.000 tấn của năm 2024 và tương đương mức năm 2023. Tuy nhiên, đánh giá sơ bộ cho thấy sản lượng vụ tiêu 2026 sẽ giảm khoảng 15-20% so với năm 2025.
- Năm 2025 được xem là một năm thành công của ngành hồ tiêu Việt Nam, khi kim ngạch xuất khẩu tăng mạnh trong bối cảnh giá thế giới duy trì ở mức cao và nguồn cung toàn cầu bị thu hẹp. Theo Cục Hải quan, Việt Nam xuất khẩu 246.132 tấn hồ tiêu trong năm 2025 với kim ngạch đạt kỷ lục 1,66 tỷ USD, giảm 1,5% về lượng nhưng tăng 26,3% về giá trị so với năm 2024.
- Vào thời điểm cuối năm 2025, giá tiêu đen tại các tỉnh thành sản xuất trọng điểm dao động trong khoảng 149.500 – 151.500 đồng/kg, tăng 2.500 – 4.500 đồng/kg so với cùng kỳ năm 2024 và cao gấp 2,5 – 2,6 lần so với cuối năm 2022. Đây là năm thứ ba liên tiếp giá hồ tiêu duy trì xu hướng tăng.
- Giá hồ tiêu được dự báo nhiều khả năng duy trì ở mức cao trong năm 2026 và có xu hướng tăng, do nguồn cung toàn cầu suy giảm mạnh, tồn kho thấp, trong khi nhu cầu thế giới tăng. Tuy nhiên, trị giá xuất khẩu tiêu của Việt Nam có thể tăng chậm hơn sản lượng, bởi doanh nghiệp chịu áp lực thiếu nguyên liệu và rào cản kỹ thuật ngày càng khắt khe từ các thị trường lớn.

Phần I:

Thị trường hồ tiêu thế giới



Năm 2025, sản lượng hồ tiêu toàn cầu ước đạt khoảng 537.000 tấn, giảm nhẹ 2,9% so với năm 2024 và giảm 6,9% so với năm 2023. Nguyên nhân chủ yếu đến từ giai đoạn giá thấp kéo dài, chi phí đầu vào tăng cao và các yếu tố thời tiết bất lợi. Việc sản lượng thế giới sụt giảm trong khi nhu cầu tiêu thụ không giảm tương ứng đã trở thành yếu tố quan trọng giúp duy trì mặt bằng giá hồ tiêu ở mức cao trong năm vừa qua.

1 Sản xuất - Tiêu thụ

Theo Hiệp hội Hồ tiêu Quốc tế (IPC), năm 2025, sản xuất hồ tiêu toàn cầu đạt khoảng 537.000 tấn, giảm nhẹ 2,9% so với 2024 và giảm 6,9% so với năm 2023 sau giai đoạn giá thấp kéo dài, chi phí đầu vào tăng cao và tác động bất lợi của thời tiết.

Lượng giảm chủ yếu từ Ấn Độ, Indonesia và Sri Lanka, trong khi sản xuất phục hồi ở Brazil, Việt Nam và Malaysia.

 **Việt Nam** tiếp tục đóng vai trò trụ cột ổn định của thị trường, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng cung toàn cầu chiếm 36,3%, tiếp theo là Ấn Độ chiếm 15,8% và Brazil đứng ở vị trí thứ 3 chiếm 15,1%.

 **Tại Brazil**, sản lượng năm 2025 ước đạt 81.000 tấn, thấp hơn 9.000 tấn so với dự báo đầu năm nhưng vẫn cao hơn 28,6% so với năm 2024 nhờ điều kiện thời tiết thuận lợi sau đợt mất mùa nghiêm trọng năm 2023. Dự báo sản lượng hồ tiêu năm 2026 của Brazil vẫn sẽ duy trì ổn định như ở mức năm 2025 mặc dù ảnh hưởng của biến đổi khí hậu nhưng một phần diện tích trồng mới được đưa vào khai thác đã bù qua phần sản lượng bị mất đi. Một số khu vực phía Nam của Brazil đang

trong mùa vụ thu hoạch 2026.

 **Tại Indonesia**, sản lượng hồ tiêu năm 2025 ước đạt khoảng 53.000 tấn, giảm 10,1% so với năm trước. Nguyên nhân chủ yếu do mưa nhiều kéo dài, phản ánh sự suy giảm bền vững về diện tích và năng suất. Mùa vụ thu hoạch cũng được dự báo sẽ diễn ra muộn hơn so với các năm trước.

 **Ấn Độ** ghi nhận mức sụt giảm mạnh nhất trong nhóm các nước chủ chốt, chỉ còn khoảng 85.000 tấn, giảm sâu so với 126.038 tấn năm 2024 và 117.000 tấn năm 2023. Nguyên nhân chủ yếu đến từ thời tiết bất lợi, mưa kéo dài, thiếu ánh nắng và nhiệt độ thấp khiến dây tiêu dễ bị tổn thương trước nhiều loại bệnh như thối rễ, héo nhanh, bệnh thán thư, thối lá hoặc cháy lá, thậm chí trong nhiều trường hợp còn làm chết hoàn toàn dây tiêu, chi phí sản xuất tăng cao và diện tích canh tác bị thu hẹp, làm suy yếu vai trò truyền thống của nước này trong nguồn cung toàn cầu. Dự kiến mùa vụ thu hoạch của Ấn Độ kéo dài từ tháng 12 năm 2025 đến tháng 3 năm 2026.

Theo Hội đồng Gia vị Ấn Độ, Karnataka - bang sản xuất tiêu lớn nhất Ấn Độ với diện tích khoảng 211,5 ngàn ha diện tích trồng tiêu, chủ yếu được trồng xen canh trong các vùng trồng cà phê. Sản lượng thu hoạch giảm mạnh tới 44,3% xuống còn 47.891 tấn trong năm nay, so với 86.000 tấn của năm ngoái, vụ thu hoạch dự kiến bắt đầu vào tháng 2 năm 2026. Trong khi đó Kerala - bang sản xuất hồ tiêu lớn thứ hai, cũng được dự báo sẽ chứng kiến mức giảm sản lượng khoảng 28,7%. Điều này dẫn tới giá tiêu trung bình nội địa của Ấn Độ tăng 8-10% so với năm trước.

Sản lượng hồ tiêu của Malaysia năm 2025 đạt 32.000 tấn, tăng 28,0% so với năm ngoái với diện tích trồng đạt 8.289 ha trong đó bang Sarawak chiếm 98,0% diện tích đạt 8.144 ha.



Tại Sri Lanka, sau khi đạt mức tăng đột biến năm 2024 với 39.617 tấn, sản lượng tiêu của Sri Lanka đã giảm mạnh xuống khoảng 30.718 tấn trong năm 2025, tương đương mức giảm hơn 20%. Tuy vậy, sản lượng vẫn cao hơn con số 27.000 tấn của năm 2023, cho thấy sự biến động mạnh và thiếu ổn định trong sản xuất của quốc gia này.



Campuchia vẫn duy trì sản lượng ổn định ở mức 21.456 tấn, không đổi so với năm 2024 và cao hơn năm 2023, tiếp tục đóng vai trò là nguồn cung bổ trợ quan trọng cho khu vực Đông Nam Á.



Còn với **Trung Quốc**, sản lượng hồ tiêu ổn định, ít biến động qua ba năm, trung bình đạt 25.000 tấn/năm.

2 Xuất khẩu, nhập khẩu

a. Xuất khẩu

Năm 2025, tổng lượng hồ tiêu xuất khẩu toàn cầu đạt khoảng 430.000 tấn, giảm 2,7% so với năm 2024 và giảm 2,3% so với năm 2023. Điều này cho thấy thương mại hồ tiêu thế giới bước vào giai đoạn điều chỉnh nhẹ về khối lượng, trong bối cảnh nguồn cung tại một số nước suy giảm và giá tăng cao khiến nhu cầu ở một số thị trường giảm, đặc biệt là vấn đề thuế đối ứng của Mỹ nên nhập khẩu của thị trường này giảm.



Brazil: Năm 2025, xuất khẩu hồ tiêu của Brazil ghi nhận mức tăng trưởng rất mạnh cả về giá trị và sản lượng so với các năm trước.

Bảng 1: Sản lượng và xuất khẩu tiêu của các quốc gia sản xuất

Nguồn: IPC.

S T T	Quốc gia	2023 (tấn)		2024 (tấn)		2025 (tấn)		% 2025/2024		%2025	
		Sản lượng	Xuất khẩu	Sản lượng	Xuất khẩu	Sản lượng	Xuất khẩu	Sản lượng	Xuất khẩu	Sản lượng	Xuất khẩu
	Tổng	582.023	439.821	553.322	441.840	537.432	430.372	▼ 2,9	▼ 2,6	100,0	100,0
1	Việt Nam	195.000	264.094	180.000	250.600	195.000	247.482	▲ 8,3	▼ 1,2	36,3	57,5
2	Brazil	98.000	80.727	63.000	61.665	81.000	83.027	▲ 28,6	▲ 34,6	15,1	19,3
3	Indonesia	65.000	24.000	58.897	55.475	52.943	35.000	▼ 10,1	▼ 36,9	9,9	8,1
4	Ấn Độ	117.000	19.000	126.038	21.000	85.000	22.500	▼ 32,6	▲ 7,1	15,8	5,2
5	Sri Lanka	27.000	14.000	39.617	25.978	30.718	14.750	▼ 22,5	▼ 43,2	5,7	3,4
6	Campuchia	18.000	14.000	21.456	10.171	21.456	10.162	▲ 0,0	▼ 0,1	4,0	2,4
7	Malaysia	23.000	13.000	25.000	6.000	32.000	6.500	▲ 28,0	▲ 8,3	6,0	1,5
8	Trung Quốc	25.000	4.000	25.000	5.363	25.000	5.363	▲ 0,0	▲ 0,0	4,7	1,2
9	Khác	12.000	7.000	12.290	5.588	12.290	5.588	▲ 0,0	▲ 0,0	2,3	1,3

Theo thống kê của Comexstat, Brazil đã xuất khẩu tổng cộng 83.027 tấn hồ tiêu trong năm 2025, tương ứng kim ngạch thu về đạt 517,8 triệu USD, so với năm 2024 lượng xuất khẩu tăng 34,6%, kim ngạch tăng 81,1% và so với năm 2023 lượng xuất khẩu tăng 2,9%, kim ngạch tăng 105,3%.

Đáng chú ý, đây cũng là năm có kim ngạch xuất khẩu cao nhất kể từ trước đến nay. Nguyên nhân chủ yếu do giá xuất khẩu bình quân đạt 6.237 USD/tấn, tăng 34,5% so với năm 2024 và tăng 99,6% so với năm 2023 (**Biểu đồ 1**).

Các thị trường xuất khẩu chính của hồ tiêu Brazil năm 2025 bao gồm: Việt Nam đạt 21.659 tấn, tăng 186,6%, chiếm 26,1% thị phần.

Tiếp theo là U.A.E đạt 9.211 tấn, tăng 12,6%, chiếm 11,1% thị phần; Morocco đạt 7.427 tấn, tăng 76,5%, chiếm 8,9% thị phần; Ấn Độ đạt 6.366 tấn, giảm 0,5%, chiếm 7,7% thị phần và Senegal đạt 5.789 tấn, tăng 10,2%, chiếm 7,0% thị phần xuất khẩu.

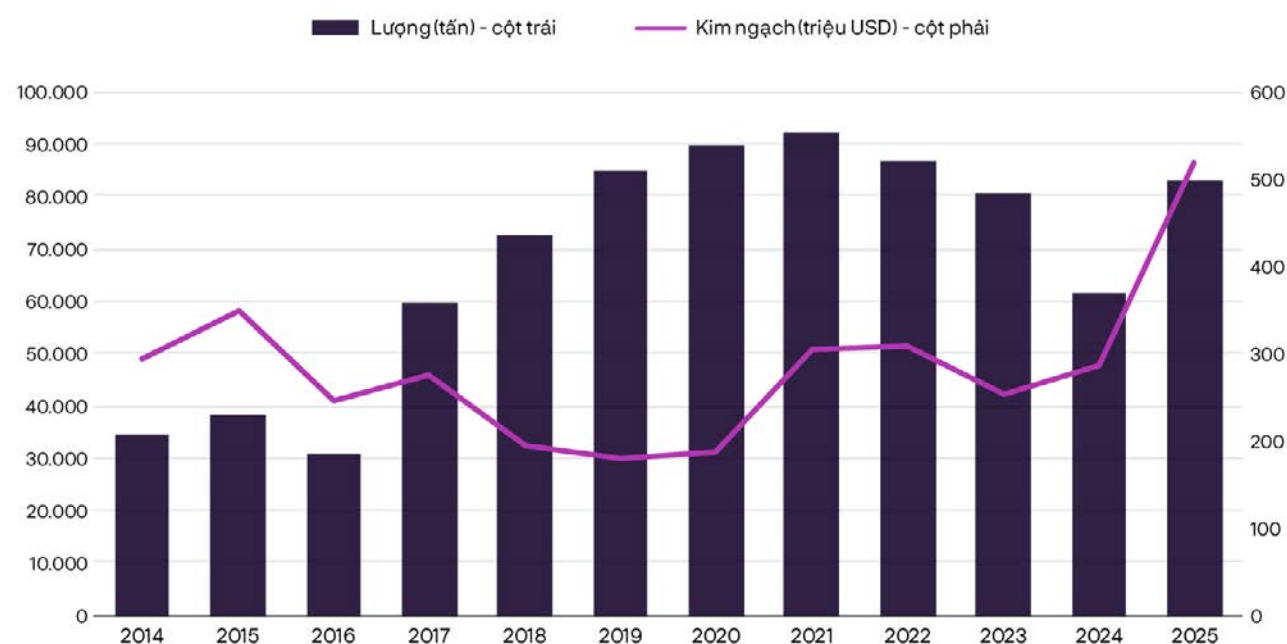
Khu vực Trung Đông và Bắc Phi đóng vai trò nổi bật trong hoạt động xuất khẩu tiêu của Brazil. Trong khi đó, Việt Nam vươn lên là thị trường lớn nhất với mức tăng đột biến cả về giá trị lẫn khối lượng, phản ánh nhu cầu nhập khẩu để tái chế biến và tái xuất.

UAE, Morocco, Ấn Độ, Senegal và Đức tiếp tục là các thị trường quan trọng với mức tăng trưởng khá ổn định, cho thấy sự đa dạng hóa đầu ra của hồ tiêu Brazil. Một số thị trường truyền thống như Mỹ hay Pakistan có biến động mạnh về lượng xuất khẩu giảm.

Số liệu cũng cho thấy Brazil xuất khẩu mạnh nhất từ tháng 1 đến tháng 5 do trùng với vụ thu hoạch chính. Doanh nghiệp đẩy nhanh bán hàng, khối lượng lớn, tạo áp lực nguồn cung toàn cầu. Đến tháng 6-8, đây là giai đoạn chững lại giữa hai vụ, sản lượng xuất giảm rõ rệt, Brazil bán chọn lọc hơn và ưu tiên giữ hàng. 4 tháng cuối năm xuất khẩu tăng dần trở lại để giải phóng tồn kho và chuẩn bị cho vụ mới. Khối lượng phục hồi, giá duy trì ổn định, không bán ồ ạt như đầu năm.

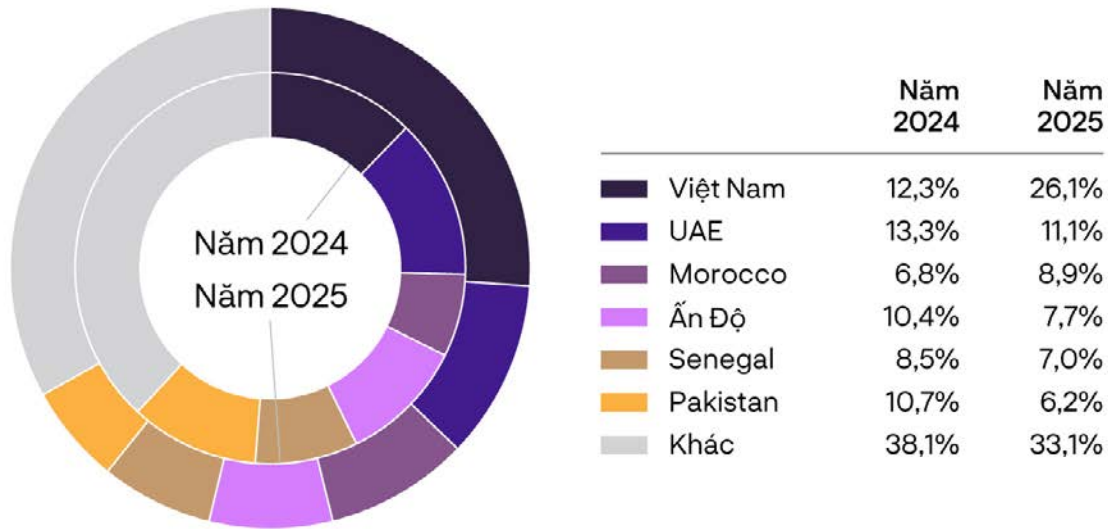
Biểu đồ 1: Xuất khẩu tiêu của Brazil giai đoạn năm 2014-2025

Đơn vị: tấn. Nguồn: Số liệu từ Comex Stat.



Biểu đồ 2: Cơ cấu thị trường xuất khẩu tiêu của Brazil trong năm 2024 và năm 2025

Đơn vị: % theo khối lượng. Nguồn: Số liệu từ Comex Stat.



Nhìn chung, năm 2025 là năm xuất khẩu hồ tiêu Brazil tăng trưởng bất phá, dựa trên nền giá tốt, nhu cầu phục hồi và khả năng mở rộng thị trường, đồng thời khẳng định vai trò ngày càng lớn của Brazil trong chuỗi cung ứng hồ tiêu toàn cầu (Biểu đồ 2).

Indonesia: Theo số liệu của ITC , cho biết, trong tháng 11/2025, xuất khẩu hồ tiêu của Indonesia đạt 2.575 tấn, giảm 6% so với tháng trước và giảm rất mạnh 60% so với mức 6.443 tấn của tháng 11/2024, cho thấy hoạt động giao hàng cuối năm suy yếu rõ rệt cả về nhu cầu lẫn tiến độ thực hiện hợp đồng.

Tính chung 11 tháng năm 2025, Indonesia xuất khẩu đạt 32.160 tấn, giảm 36,7% so với mức 50.799 tấn cùng kỳ năm 2024, phản ánh xu hướng suy giảm mang tính toàn diện chứ không chỉ mang tính thời điểm.

Nguyên nhân chính đến từ sự sụt giảm mạnh ở các thị trường truyền thống và có quy mô lớn như Việt Nam, Trung Quốc, khu vực châu Mỹ và Ấn Độ, trong đó riêng thị trường Việt Nam giảm trên 60%, làm mất đi một lượng tiêu thụ rất đáng kể của Indonesia.

Bên cạnh đó, xuất khẩu sang một số thị trường châu Âu chủ lực như Đức và Hà Lan cũng thu hẹp mạnh, cho thấy nhu cầu từ khối EU chưa phục hồi ổn định. Ở chiều ngược lại, xuất khẩu của Indonesia ghi nhận mức tăng khá tại một số thị trường như Hàn Quốc, Philippines, Pháp, Malaysia hay Nepal, tuy nhiên quy mô tuyệt đối của các thị trường này còn nhỏ nên chưa đủ để bù đắp phần sụt giảm từ các thị trường lớn.

Ấn Độ: Xuất khẩu hồ tiêu của Ấn Độ trong 10 tháng năm 2025 đạt 15.963 tấn, giảm 5% so với cùng kỳ 2024, cho thấy xu hướng suy giảm nhẹ về tổng lượng.

Xét theo diễn biến tháng, xuất khẩu nửa đầu năm duy trì quanh mức 1.600 - 1.800/tháng, trong đó tháng 1 cao nhất 1.865 tấn và tháng 6 thấp hơn ở mức 1.596 tấn; sang quý III sụt giảm mạnh, đặc biệt tháng 9 chỉ còn 957 tấn (mức thấp nhất trong năm), phản ánh nguồn cung hạn chế hoặc nhu cầu quốc tế chững lại trong giai đoạn giữa năm; bước sang tháng 10, lượng xuất khẩu phục hồi lên 1.226 tấn nhưng vẫn thấp hơn đáng kể so với mức bình quân đầu năm.

Sự sụt giảm trong hoạt động xuất khẩu năm vừa qua của Ấn Độ cho thấy nước này vẫn gặp khó trong việc mở rộng nguồn hàng xuất khẩu, phù hợp với bối cảnh sản xuất nội địa hạn chế và ưu tiên tiêu thụ trong nước, khiến vai trò của Ấn Độ trên thị trường xuất khẩu hồ tiêu toàn cầu tiếp tục ở mức khiêm tốn và có xu hướng suy yếu nhẹ trong năm 2025.

Về giá xuất khẩu tiêu đen của Ấn Độ, trong quý IV, giá có xu hướng điều chỉnh giảm nhẹ, từ gần 8.000 USD/tấn xuống khoảng 7.810 USD/tấn vào tháng 12, song vẫn duy trì mức cao so với mặt bằng chung. Ấn Độ duy trì vị thế ở phân khúc cao cấp trong năm 2025 với giá bình quân xấp xỉ 7.960 USD/tấn, cao hơn Việt Nam khoảng 1.200-1.400 USD/tấn.

Giá tăng mạnh trong quý I và đạt đỉnh vào tháng 4, nhờ nhu cầu ổn định từ thị trường nội địa và chi phí sản xuất cao. Điều này cho thấy hồ tiêu Ấn Độ tiếp tục được định vị là sản phẩm chất lượng cao, phục vụ các thị trường ngách và khách hàng sẵn sàng trả giá cao.



Campuchia: Theo báo cáo của Hiệp hội Xúc tiến Tiêu Kampot (KPPA), trong năm 2025, Campuchia đã xuất khẩu 112 tấn tiêu Kampot, một mặt hàng đã được đăng ký chỉ dẫn địa lý được bảo hộ (PGI) tại Liên minh châu Âu (EU).

Báo cáo cho biết khoảng 85% tiêu Kampot của Campuchia được xuất khẩu sang các thị trường nước ngoài, đặc biệt là Pháp, Đức, Hàn Quốc, Nga, Mỹ, Cộng hòa Séc và Singapore, trong khi khoảng 15% được tiêu thụ trong nước.

Tiêu Kampot có ba loại gồm tiêu đen, tiêu đỏ và tiêu trắng. Năm 2025, tiêu Kampot được bán với giá cao hơn các năm trước, với tiêu đen có giá 17 USD/kg, tiêu đỏ 27 USD/kg, tiêu trắng 30 USD/kg và tiêu xanh 10 USD/kg.

Tiêu Kampot được trồng và canh tác tại hai tỉnh ven biển phía Tây Nam Campuchia là Kampot và Kep, với 4 huyện thuộc tỉnh Kampot và 2 huyện thuộc tỉnh Kep. Hiện nay, tổng cộng 373 thành viên đang canh tác trên diện tích hơn 220.000 ha đất.

Nổi tiếng với hương thơm tinh tế và vị cay nồng đặc trưng, tiêu Kampot là loại tiêu đầu tiên trên thế giới được EU trao chứng nhận Chỉ dẫn địa lý được bảo hộ (PGI) và cũng là chỉ dẫn địa lý được bảo hộ đầu tiên của Campuchia vào năm 2010.

Bộ Thương mại Campuchia nhấn mạnh rằng thị trường EU mang đến cơ hội cho ngành tiêu của Campuchia. Theo Báo cáo hạt tiêu Campuchia của Bộ Thương mại công bố ngày 14/1, mức thuế nhập khẩu tiêu từ Campuchia vào EU là 0% theo Hệ thống Ưu đãi Thuế quan Phổ cập (GSP).

“Là thị trường tiêu thụ hạt tiêu lớn nhất thế giới, EU mang lại lợi thế về giá cho hạt tiêu chất lượng cao và sản xuất bền vững,” Bộ cho biết trong báo cáo.

Ngoài tiêu Kampot, Campuchia còn xuất khẩu tiêu hữu cơ và tiêu chuẩn. Theo báo cáo, 81% sản lượng tiêu của Campuchia được trồng tại ba tỉnh giáp biên giới Việt Nam, gồm Tboung Khmum (45%), Mondulkiri (21%) và Ratanakiri (15%).

Ông Mak Ny, Chủ tịch Liên đoàn Hồ tiêu và Gia vị Campuchia (CPSF), xác nhận rằng giá tiêu tiêu chuẩn trong nước đã tăng lên mức 25.000–26.500 riel/kg trong năm 2025 do nhu cầu tăng trong bối cảnh lượng tồn kho toàn cầu giảm.

b. Nhập khẩu



Mỹ: Theo Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), trong tháng 10/2025 nhập khẩu hồ tiêu của Mỹ đạt 5.651 tấn, kim ngạch đạt 42,7 triệu USD, so với tháng 9 lượng nhập tương đương và so với cùng kỳ tháng 10/2024 giảm 21,6%.

Lũy kế 10 tháng năm 2025, tổng nhập khẩu hồ tiêu của Mỹ đạt 69.904 tấn, tổng kim ngạch nhập khẩu đạt 531,3 triệu USD, so với cùng kỳ năm 2024 lượng nhập khẩu giảm 12,9% tuy nhiên kim ngạch lại tăng đến 26,0%.

Về thị trường, Việt Nam là quốc gia cung cấp hồ tiêu lớn nhất cho Mỹ trong 10 tháng năm 2025, đạt 49.048 tấn, tuy nhiên so cùng kỳ giảm 21,1%. Thị phần của Việt Nam tổng nhập

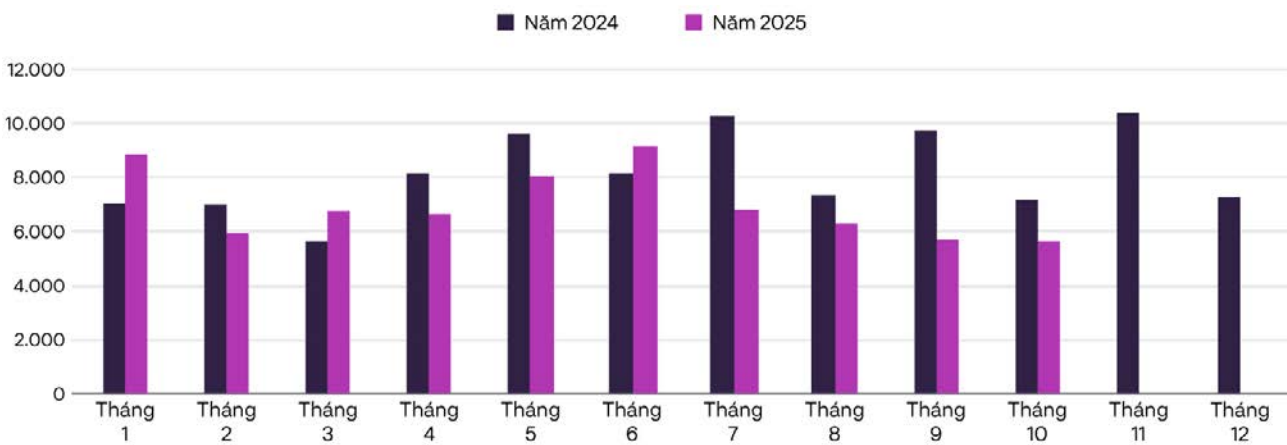
khẩu hồ tiêu của Mỹ đã giảm xuống còn 70%

Ngược lại, nhập khẩu của Mỹ từ các thị trường tiếp theo là Indonesia đạt 8.235 tấn, chiếm 11,8%, tăng 36,2% và Ấn Độ đạt 7.308 tấn, chiếm 10,5% thị phần và tăng 14,9% so với cùng kỳ năm 2024. Sự gia tăng này cho thấy Mỹ đang chủ động mở rộng nhập khẩu từ các quốc gia châu Á khác, tận dụng giai đoạn nguồn hàng dồi dào hơn và mức giá cạnh tranh hơn so với tiêu Việt Nam trong một số thời điểm.

Vấn đề thuế quan mà Mỹ đang áp dụng với các nước là nguyên nhân chính đến lượng nhập khẩu giảm. Nguồn cung nhập khẩu cũng đa dạng hơn, thị trường Mỹ đang bước vào giai đoạn điều chỉnh chiến lược mua hàng, thích ứng với mặt bằng giá cao và rủi ro nguồn cung toàn cầu **(Biểu đồ 3, 4)**.

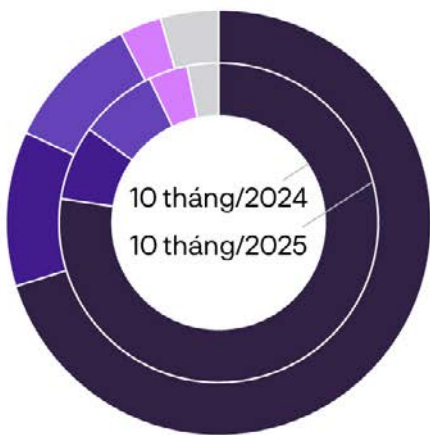
Biểu đồ 3: Nhập khẩu tiêu của Mỹ qua các tháng năm 2024-2025

Đơn vị: tấn. Nguồn: Số liệu từ Eurostat.



Biểu đồ 4: Cơ cấu nguồn cung hồ tiêu cho thị trường Mỹ 10 tháng năm 2024 và 10 tháng năm 2025

Đơn vị: % theo khối lượng. Nguồn: Số liệu từ Eurostat.



	10 tháng 2024 (vòng trong)	10 tháng 2025 (vòng ngoài)
Việt Nam	77%	70%
Indonesia	8%	12%
Ấn Độ	8%	11%
Brazil	4%	3%
Khác	3%	4%

Đối với Việt Nam, dù vẫn giữ vị thế thống lĩnh, việc sụt giảm thị phần tương đối tại Mỹ là lời cảnh báo về áp lực cạnh tranh ngày càng rõ từ Indonesia và Ấn Độ, đồng thời đặt ra yêu cầu phải tiếp tục nâng cao tính ổn định nguồn cung, chất lượng và khả năng giao hàng để duy trì vai trò chủ lực tại thị trường tiêu thụ lớn nhất thế giới này.



Trung Quốc: Theo số liệu của Hải quan Trung Quốc, nước này đã nhập khẩu tổng cộng 7.847 tấn hồ tiêu chính ngạch trong 11 tháng năm 2025, với trị giá 54,36 triệu USD, giảm 18,9% về lượng nhưng tăng 5,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.

Chủ yếu do nhập khẩu từ Indonesia, nguồn cung lớn nhất, giảm mạnh 32,4% về lượng và 14,7% về trị giá, đạt 3.679 tấn, trị giá 24,06 triệu USD. Thị phần của Indonesia trong tổng nhập khẩu hồ tiêu của Trung Quốc theo đó đã giảm từ mức 56,2% xuống còn 46,9%.

Ngược lại, nhập khẩu từ nguồn cung lớn thứ hai là Việt Nam lại tăng mạnh 12,8% về lượng và 59,3% về trị giá, đạt 3.406 tấn, trị giá 24,57 triệu USD. Với kết quả này, thị phần của hồ tiêu Việt Nam tại thị trường Trung Quốc tăng mạnh từ 31,2% lên 43,4%. Đáng chú ý, nếu xét về kim ngạch thì Việt Nam hiện đã vươn lên đứng đầu với thị phần chiếm 42,5% so với 44,3% của Indonesia.

Sự thay đổi này đến từ giá xuất khẩu hồ tiêu bình quân của Việt Nam sang Trung Quốc đạt 7.212 USD/tấn, tăng 41,3% so với cùng kỳ năm 2024 và cao hơn nhiều so với mức giá 6.540 USD/tấn của Indonesia.

Điều này cho thấy hồ tiêu Việt Nam ngày càng được thị trường Trung Quốc ưa chuộng, dù mức giá cao hơn. Đồng thời, các doanh nghiệp Việt Nam cũng đang thể hiện xu hướng chuyển

dịch mạnh sang xuất khẩu chính ngạch vào thị trường này.



EU: Trong 11 tháng năm 2025, Liên minh châu Âu (EU) nhập khẩu tổng cộng 59.410 tấn từ thị trường ngoài khối, trị giá 410,3 triệu EUR, giảm 3,1% về lượng nhưng tăng 29,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.

Trong đó, Việt Nam vẫn là nguồn cung chính, chiếm 63,7% thị phần với khối lượng đạt 37.840 tấn, nhưng giảm 6,2% so với cùng kỳ. Ngoài ra, nhập khẩu tiêu của EU từ Indonesia và Ấn Độ cũng giảm lần lượt 2,1% và 5,6%, xuống còn 4.258 tấn và 2.832 tấn.

Ngược lại, nhập khẩu từ thị trường đứng thứ hai là Brazil tăng 10,6%, đạt 9.948 tấn. Một số thị trường khác như Sri Lanka, Trung Quốc và Colombia cũng tăng lần lượt 49,7%, 6,7% và 14,9%.

Năm 2025, EU đã có tổng cộng 66 cảnh báo về hồ tiêu và gia vị của các quốc gia xuất khẩu vào thị trường này, trong đó quý IV phát hiện thêm 18 cảnh báo. Việt Nam có tổng cộng 6 cảnh báo trong đó có 1 cảnh báo về hồ tiêu (anthraquinone), 4 cảnh báo về quế và 1 cảnh báo về gừng. tổng cộng 21 cảnh báo về hồ tiêu chủ yếu từ Trung Quốc (3 trường hợp), Tây Ban Nha, Sri Lanka, Thổ Nhĩ Kỳ (2 trường hợp), còn lại từ một số nước Brazil, Cambodia, Dominica, Ai Cập, Pháp, Ấn Độ, Indonesia, Kosovo, Madagascar, Rwanda và Syria.

Bên cạnh việc nâng cao chất lượng hồ tiêu và cây gia vị, theo các chuyên gia trong ngành, việc Việt Nam đang sở hữu nhiều lợi thế hơn so với nhiều quốc gia trong khu vực, đặc biệt nhờ việc ký kết các Hiệp định thương mại tự do (FTA) với những đối tác hiện là thị trường xuất khẩu quan trọng đã giúp mở rộng thị trường cho nông sản Việt.

Như đối với mặt hàng hồ tiêu và gia vị, nếu không có chứng nhận xuất xứ hàng hóa để được hưởng ưu đãi thuế quan trong khuôn khổ Hiệp định EVFTA giữa Việt Nam và EU, doanh nghiệp sẽ phải chịu mức thuế từ 4-12,5%. Đây là chênh lệch lớn, cho thấy giá trị thiết thực mà các hiệp định thương mại tự do mang lại cho hàng hóa Việt Nam. Nếu có chứng nhận xuất xứ của Việt Nam, mức thuế sẽ được giảm xuống 0%. Điều này cho thấy việc có hay không có chứng nhận xuất xứ ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng cạnh tranh về giá và nhiều yếu tố liên quan của sản phẩm.

Hồ tiêu và gia vị Việt Nam là hàng hóa có xuất xứ thuần túy, được trồng và chế biến hoàn toàn trong nước, khó có thể trồng hiệu quả tại nhiều quốc gia khác. Đây là lợi thế lớn khi tận dụng ưu đãi thuế quan từ các FTA. Ví dụ, tại EU, khi Việt Nam đã ký FTA, hồ tiêu và gia vị Việt Nam có ưu thế rõ ràng về thuế nhập khẩu, giúp cạnh tranh tốt hơn về giá. Tuy nhiên, doanh nghiệp phải tuân thủ nghiêm ngặt quy định về kê khai, chứng từ và kỹ thuật để tránh rủi ro pháp lý và tranh chấp thương mại.

3 Diễn biến giá

Việc sản lượng toàn cầu giảm trong khi nhu cầu tiêu thụ không giảm tương ứng là yếu tố quan trọng góp phần duy trì mặt bằng giá hồ tiêu cao trong năm 2025.

Theo số liệu từ Hiệp hội Hồ tiêu Quốc tế (IPC), Malaysia tiếp tục là quốc gia có giá tiêu đen cao nhất thế giới, đặc biệt với chủng loại Kuching ASTA. Trong quý IV/2025, giá tiêu đen Malaysia duy trì quanh 9.200 - 9.450 USD/tấn, đạt đỉnh vào tháng 11 trước khi giảm nhẹ tháng 12.

Mức giá rất cao phản ánh đặc thù sản xuất quy mô nhỏ, thương hiệu mạnh của tiêu Sarawak/

Kuching và chiến lược tập trung hoàn toàn vào phân khúc cao cấp. Giá bình quân cả năm 2025 đạt khoảng 9.228 USD/tấn, tăng 37,4% so với năm 2024 và vượt xa các nguồn cung khác. Tuy nhiên, do sản lượng hạn chế, Malaysia không tạo áp lực lớn lên mặt bằng giá chung mà chủ yếu chiếm lĩnh thị trường cao cấp.

Trong quý IV/2025, giá xuất khẩu tiêu đen Brazil dao động trong khoảng 6.265 - 6.428 USD/tấn, bình quân xấp xỉ 6.360 USD/tấn, phản ánh mặt bằng giá cao và ổn định trong giai đoạn cuối năm. So với các quý khác trong năm 2025, mức giá này cao hơn rõ rệt so với quý II và quý III (bình quân lần lượt khoảng 6.220 USD/tấn và 6.170 USD/tấn), đồng thời nhỉnh hơn nhẹ so với quý I (khoảng 6.285 USD/tấn), cho thấy xu hướng giá phục hồi trở lại từ tháng 9 và duy trì tốt trong bối cảnh Brazil chuẩn bị bước vào vụ thu hoạch chính mới.

Tuy nhiên, so với cùng kỳ năm 2024, giá xuất khẩu quý IV/2025 của Brazil vẫn thấp hơn khoảng 1,5 - 2% (quý IV/2024 bình quân khoảng 6.480 USD/tấn), cho thấy đà tăng giá mạnh của năm 2024 đã chững lại và thị trường bước vào giai đoạn điều chỉnh, cân bằng hơn giữa cung và cầu. Tổng thể, quý IV/2025 tiếp tục là giai đoạn giá cao trong năm nhưng không còn tạo đột biến mới, phản ánh chiến lược bán hàng thận trọng và ổn định của các doanh nghiệp xuất khẩu Brazil. Bình quân cả năm 2025, giá tiêu đen Brazil đạt 6.199 USD/tấn, tăng 8,5% so với năm 2024.

Trong khi đó, tại Indonesia, giá xuất khẩu tiêu đen trong quý IV duy trì trên 7.000 USD/tấn nhưng có xu hướng giảm trong tháng 12 khi nguồn hàng xuất khẩu dồi dào hơn. Indonesia vì vậy giữ vai trò là nguồn cung trung gian về giá, cạnh tranh trực tiếp với Việt Nam ở phân khúc trung cấp, đồng thời tận dụng lợi thế mùa vụ để gia tăng thị phần trong những thời điểm

Việt Nam khan hàng. Tính chung cả năm 2025 giá tiêu đen Lampung của Indonesia dao động quanh mức bình quân 7.106 USD/tấn, tăng 21,4% so với năm 2024, đồng thời cao hơn Việt Nam nhưng thấp hơn Ấn Độ. Giá đạt mức cao nhất vào khoảng giữa năm, sau đó giảm nhẹ về cuối năm.

Tại Việt Nam, giá FOB tiêu đen đạt khoảng 6.429 - 6.700 USD/tấn vào quý IV, tăng nhẹ so với mức 6.230 – 6.663 USD/tấn của quý III. Tính chung năm 2025, giá tiêu đen xuất khẩu bình quân của Việt Nam đạt bình quân 6.484 – 6.670 USD/tấn, tăng 16,9 – 19% so với năm 2024, cho thấy mặt bằng giá vẫn được giữ ở mức cao do nguồn cung toàn cầu hạn chế (**Biểu đồ 5**).

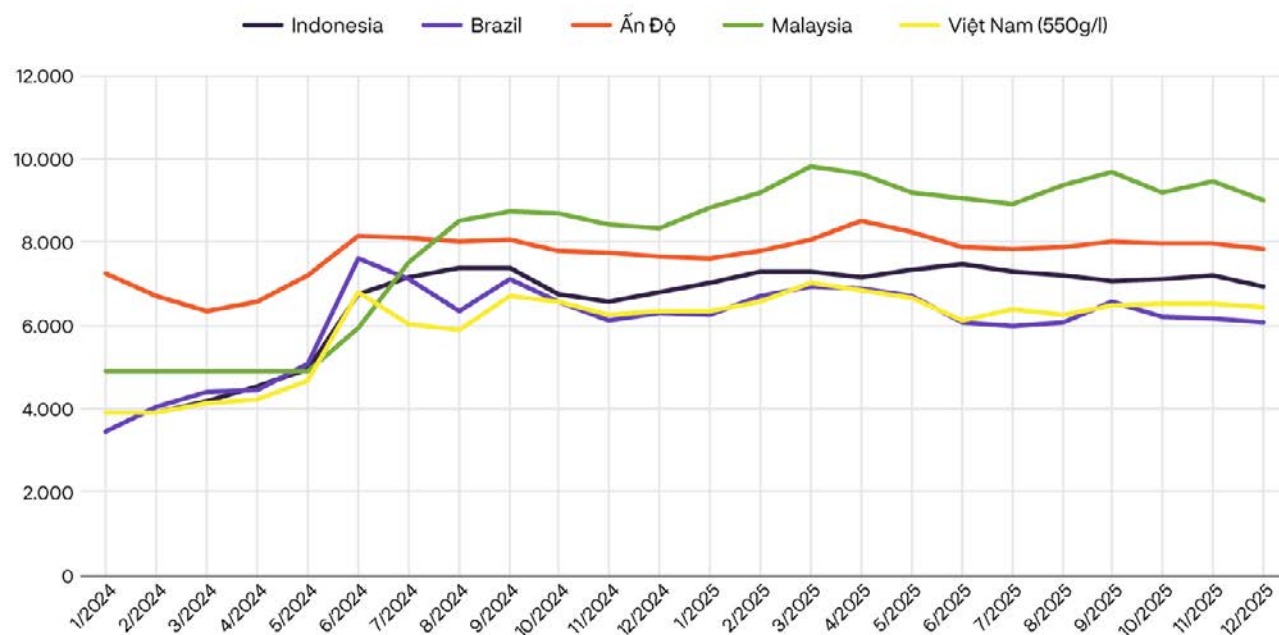
Trên thị trường tiêu trắng, giá tiêu trắng Muntok trong quý IV/2025 dao động quanh mức 9.700 -10.100 USD/tấn, có xu hướng giảm nhẹ so với quý III khi nguồn cung từ vụ thu hoạch mới bắt đầu ra thị trường. Mức giá này vẫn được xem là ổn định và cạnh tranh, giúp Indonesia duy trì vị thế là nguồn cung tiêu trắng phổ biến tại châu Á và Trung Đông.

Tính cả năm 2025, giá bình quân tiêu trắng đạt khoảng 10.000 USD/tấn, biến động trong biên độ hẹp. Indonesia tiếp tục đóng vai trò là chuẩn giá trung cấp của thị trường tiêu trắng toàn cầu, với lợi thế về độ ổn định và sản lượng tương đối tốt.

Với Malaysia, trong quý IV/2025, giá tiêu trắng duy trì mức giá rất cao, phổ biến 12.200-12.900 USD/tấn, dù có điều chỉnh nhẹ vào tháng 12 khi hoạt động chốt hợp đồng cuối năm tăng. Đây vẫn là mức giá cao nhất trong nhóm các nước xuất khẩu chính. Xét cả năm 2025, giá bình quân tiêu trắng Malaysia đạt bình quân 12.099 USD/tấn, tăng 37,6% so với năm trước, tương ứng khoảng 12.100-12.300 USD/tấn, vượt Indonesia khoảng 2.000 USD/tấn và vượt Việt Nam từ 2.500-3.000 USD/tấn. Điều này phản ánh rõ chiến lược tập trung phân khúc cao cấp, sản lượng nhỏ nhưng kiểm soát chất lượng chặt chẽ và thương hiệu mạnh của tiêu trắng Sarawak.

Biểu đồ 5: Diễn biến giá tiêu đen thế giới qua các tháng năm 2024 - 2025

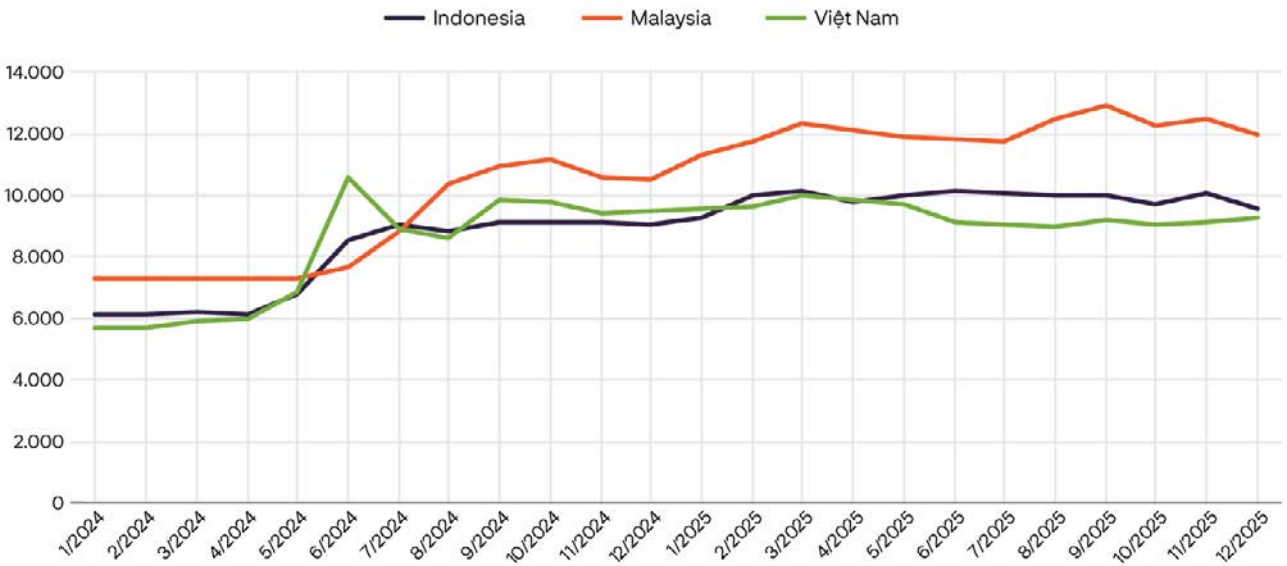
Đơn vị: USD/tấn. Nguồn: IPC.



Tại Việt Nam, giá chào bán tiêu trắng duy trì ở mức 9.070 – 9.250 USD/tấn trong quý IV, không thay đổi nhiều so với quý III. Tính chung năm 2025, giá tiêu trắng đạt bình quân 9.379 USD/tấn, tăng 14,3% so với năm 2024 (Biểu đồ 6). ■

Biểu đồ 6: Diễn biến giá tiêu trắng thế giới qua các tháng năm 2024 - 2025

Đơn vị: USD/tấn. Nguồn: IPC.



Phần II:

Thị trường hồ tiêu Việt Nam



Năm 2025 được đánh giá là một năm thành công nổi bật của ngành hồ tiêu Việt Nam khi kim ngạch xuất khẩu tăng mạnh trong bối cảnh mặt bằng giá thế giới duy trì ở mức cao, còn nguồn cung toàn cầu tiếp tục bị thắt chặt. Dù sản lượng xuất khẩu không tăng tương ứng, giá trị mang lại vẫn đạt mức kỷ lục, tạo nền tảng quan trọng cho triển vọng xuất khẩu hồ tiêu trong năm 2026.

1 Nguồn cung

Hiệp hội Hồ tiêu và cây gia vị Việt Nam (VPSA) cho biết **sản xuất hồ tiêu Việt Nam năm 2025 tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức, đặc biệt là ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, tuy nhiên Việt Nam tiếp tục giữ vững vị thế nhà sản xuất hồ tiêu lớn nhất thế giới với sản lượng khoảng 195.000 tấn, tăng so với năm 2024 (180.000 tấn) và tương đương mức năm 2023.**

Kết quả này cho thấy nguồn cung của Việt Nam tương đối ổn định nhờ năng suất cải thiện khi tiêu được giá nên người nông dân đã tăng cường đầu tư cho cây tiêu và các vườn tiêu trẻ tăng trưởng ổn định.

Mùa vụ thu hoạch 2026 sẽ gặp nhiều bất lợi về thời tiết khi giai đoạn đầu năm ghi nhận khô hạn kéo dài tại nhiều vùng trọng điểm như Đắk Lắk, Gia Lai, Đắk Nông và Bình Phước, làm giảm khả năng phân hóa mầm hoa và tỷ lệ đậu trái. Sang mùa mưa, mưa lớn và ẩm độ cao lại làm gia tăng bệnh thối rễ, chết chậm và nấm phytophthora tại các vườn già, ảnh hưởng tiêu cực đến sinh trưởng và sức cây cho vụ sau.

Trong bối cảnh đó, năng suất trung bình nhiều vùng chỉ đạt mức trung bình, đặc biệt tại các vườn già cỗi và những hộ hạn chế đầu tư kỹ

thuật mặc dù các vườn tiêu trẻ vẫn duy trì năng suất, diện tích tái canh dự kiến tăng nhẹ khi giá hồ tiêu duy trì ở mức cao và người trồng tiêu cải thiện khả năng đầu tư.

Một số diện tích trồng mới giai đoạn 2022-2023 bắt đầu bước vào giai đoạn cho thu hoạch ổn định, góp phần bổ sung nguồn cung. Đồng thời, các chương trình chuyển giao kỹ thuật về tưới tiết kiệm, bón phân cân đối và quản lý dịch hại tổng hợp được kỳ vọng sẽ được áp dụng rộng hơn, giúp cải thiện năng suất tại các vùng trọng điểm. Đánh giá sơ bộ sản lượng vụ tiêu 2026 sẽ giảm khoảng 15-20% so với năm 2025.

2 Nhập khẩu

Theo thống kê sơ bộ của VPSA, năm 2025, Việt Nam nhập khẩu 42.688 tấn hồ tiêu, kim ngạch 266,2 triệu USD, gồm 36.626 tấn tiêu đen và 6.062 tấn tiêu trắng; tăng 16,2% về lượng và 51,1% về kim ngạch so với 2024, đồng thời cao hơn 60,9% so với 2023. Xu hướng này cho thấy Việt Nam tiếp tục củng cố vai trò trung tâm chế biến và tái xuất hồ tiêu, trong bối cảnh nguồn cung nội địa suy giảm và nhu cầu xuất khẩu duy trì ở mức cao.

Nguồn cung chủ yếu trong năm vừa qua đến từ Brazil với 19.404 tấn, tăng 103% và chiếm 45,5% thị phần, tiếp đến Campuchia: 12.404 tấn, tăng 82,5% và chiếm 29,1%; Indonesia: 7.546 tấn, giảm 56,1% và chiếm 17,7%.

Các doanh nghiệp nhập khẩu lớn gồm Olam Việt Nam: 8.725 tấn, giảm 30%, Trân Châu: 2.823 tấn, giảm 32,3% và Nedspice Việt Nam 2.799 tấn, tăng 217,3% (**Bảng 2**).

Bảng 2: Nhập khẩu hồ tiêu của Việt Nam từ các nguồn cung chính trong năm 2025

Nguồn: Số liệu từ VPSA.

S T T	Quốc gia	Năm 2023 (tấn)	Năm 2024 (tấn)	Năm 2025 (tấn)	Năm 2025 so với năm 2024 (%)	Năm 2025 so với năm 2023 (%)	Thị phần năm 2025 (%)
	Tổng	26.538	36.727	42.688	▲ 16,2	▲ 60,9	100,0
1	Brazil	16.598	9.558	19.404	▲ 103,0	▲ 16,9	45,5
2	Campuchia	3.763	6.798	12.404	▲ 82,5	▲ 229,6	29,1
3	Indonesia	3.237	17.194	7.546	▼ 56,1	▲ 133,1	17,7
4	Malaysia	561	519	379	▼ 27,0	▼ 32,4	0,9
5	Trung Quốc	168	329	300	▼ 8,8	▲ 78,6	0,7
6	Madagascar		33	215	▲ 551,5		0,5
7	Ấn Độ	22	68	92	▲ 35,3	▲ 318,2	0,2
8	Sri Lanka		15	45	▲ 200,0		0,1
9	Đài Loan		8	40	▲ 400,0		0,1
10	Ecuador			26			0,1
	Khác	2.189	2.205	2.237	▲ 1,5	▲ 2,2	5,2

3 Tình hình xuất khẩu

Số liệu thống kê sơ bộ của VPSA cho thấy, Việt Nam xuất khẩu tổng cộng 247.482 tấn hồ tiêu các loại trong năm 2025, gồm 212.279 tấn tiêu đen và 35.203 tấn tiêu trắng, với tổng kim ngạch đạt hơn 1,66 tỷ USD, tăng 26% so với năm 2024 dù sản lượng giảm 1,2% (3.118 tấn), đánh dấu mức kim ngạch cao nhất từ trước đến nay của ngành.

Còn theo số liệu của Cục Hải quan, năm 2025, **xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam đạt 246.132 tấn, kim ngạch đạt 1,66 tỷ USD, giảm 1,5% về lượng nhưng tăng 26,3% về kim ngạch so với năm 2024 do giá tăng cao. Mặc dù khối lượng xuất khẩu giảm năm thứ hai liên tiếp nhưng kim ngạch thu về đã thiết lập đỉnh mới, bỏ xa kỷ lục cũ là 1,43 tỷ USD đạt được vào năm 2016.**

Trong năm 2025, hoạt động xuất khẩu hồ tiêu nhìn chung diễn ra tương đối chậm trong 7 tháng đầu năm, chủ yếu do lo ngại về các biện

pháp thuế quan đối ứng từ Mỹ. Tuy nhiên, xuất khẩu đã dần khởi sắc trở lại và ghi nhận đà tăng liên tiếp từ tháng 8 đến tháng 12.

Tính riêng trong quý IV/2025, xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam đạt 59.629 tấn, trị giá 395 triệu USD, tăng 21,7% về lượng và 43,4% về trị giá so với quý IV/2024 **(Biểu đồ 7).**

Trong quý IV/2025, giá xuất khẩu bình quân hồ tiêu của Việt Nam đạt 6.625 USD/tấn, tăng 0,3% so với quý III/2025 và tăng gần 18% so với cùng kỳ năm 2024. **Tính chung cả năm 2025, giá xuất khẩu bình quân hồ tiêu tăng hơn 28% so với năm 2024, lên mức 6.748 USD/tấn (Biểu đồ 8).**

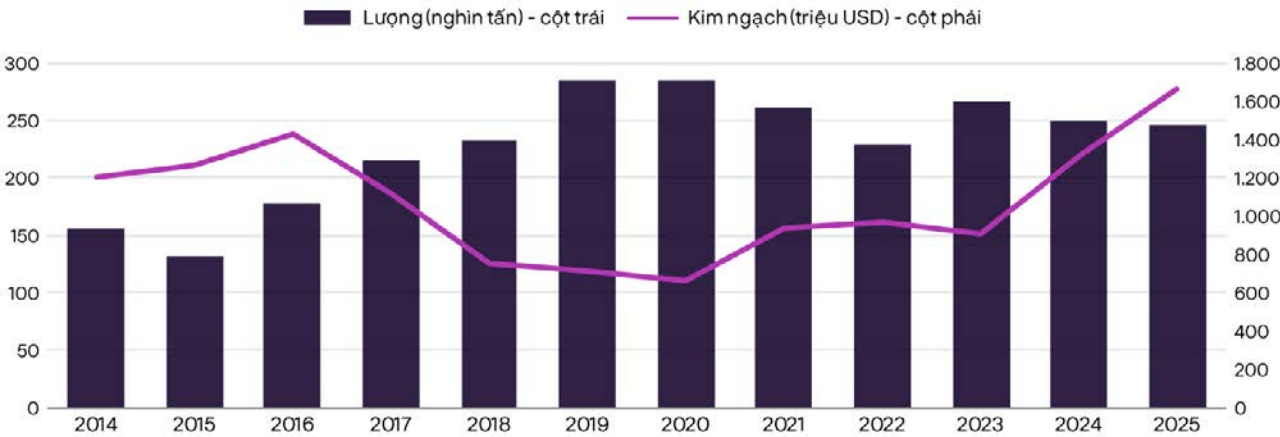
Xét về cơ cấu chủng loại xuất khẩu năm 2025, các doanh nghiệp vẫn chủ yếu tiêu đen nguyên hạt, với khối lượng lên tới 173.869 tấn, song so với năm 2024 giảm 3,8%. Đồng thời, tỷ trọng tiêu đen nguyên hạt trong tổng xuất khẩu chung đã thu hẹp xuống 70,3% so với mức 72,1% của năm trước.

Các mặt hàng khác như tiêu đen xay, tiêu trắng xay, tiêu mộc, tiêu đầu đỉnh, tiêu xanh... cũng đều ghi nhận giảm. Riêng tiêu trắng nguyên hạt

là mặt hàng duy nhất tăng trưởng mạnh 27,6%, đạt 25.286 tấn, tỷ trọng theo đó tăng từ 7,9% lên 10,2% (**Biểu đồ 9**).

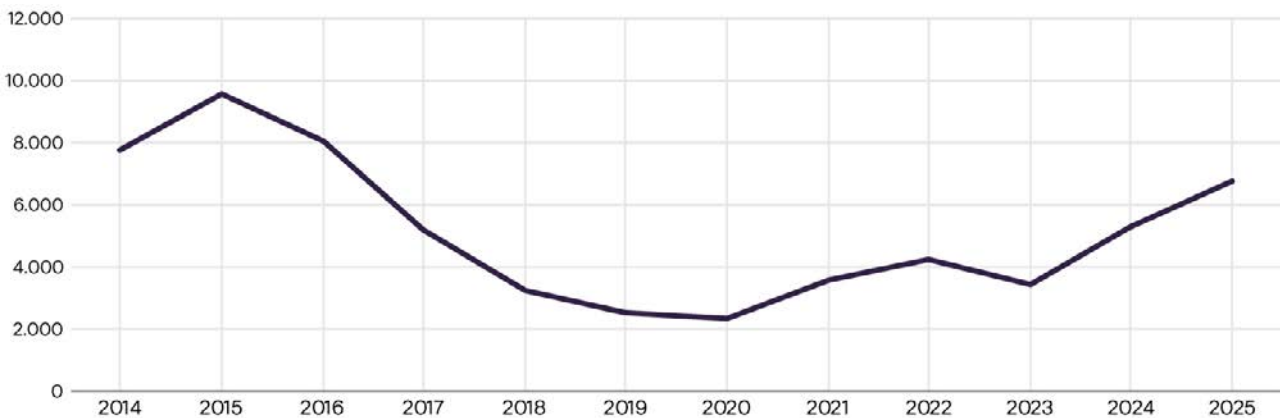
Biểu đồ 7: Xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam giai đoạn năm 2014 - 2025

Nguồn: Cục Hải quan Việt Nam.



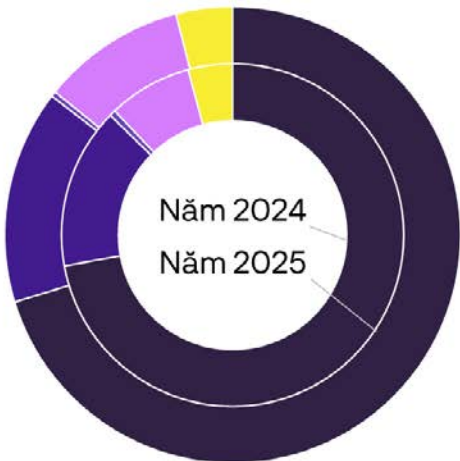
Biểu đồ 8: Giá xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam năm 2014 – 2025

Đơn vị: USD/tấn. Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam.



Biểu đồ 9: Cơ cấu chủng loại hồ tiêu xuất khẩu của Việt Nam tính theo lượng trong năm 2024 và năm 2025

% theo khối lượng. Nguồn: Số liệu tổng hợp từ VPSA.



	Năm 2024	Năm 2025
■ Tiêu đen nguyên hạt	72,1%	70,3%
■ Tiêu đen xay	15,2%	15,2%
■ Tiêu ngâm giấm, mộc, đầu đỉnh, xanh ...	0,6%	0,4%
■ Tiêu trắng nguyên hạt	7,9%	10,2%
■ Tiêu trắng xay	4,2%	4,0%

Bên cạnh yếu tố về giá, sự nỗ lực của các doanh nghiệp cũng góp phần tạo nên kết quả tốt đẹp trên. Năm 2025 được đánh giá là một năm thực sự khó khăn đối với ngành hồ tiêu, do thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam là Mỹ, ghi nhận mức giảm mạnh, do nhiều nhà nhập khẩu “án binh bất động” vì thuế đối ứng của Mỹ đối với hàng hoá Việt Nam.

Mỹ là thị trường chính của hồ tiêu nhưng trong suốt 6 tháng của năm 2025, từ tháng 4 đến tháng 10, hoạt động xuất khẩu sang thị trường này khá trầm lắng, hầu hết doanh nghiệp nhập khẩu đều sợ rủi ro khi mua hàng thời điểm đó. Điều này, cũng tác động đến xuất khẩu cả năm 2025 qua thị trường Mỹ sụt giảm gần 24% về khối lượng, chỉ đạt 56.182 tấn, so với con số kỷ lục 73.749 tấn của năm 2024. Thị phần của Mỹ trong tổng khối lượng hồ tiêu xuất khẩu của Việt Nam cũng giảm xuống còn 22,8% từ mức 29,5%. Tuy nhiên, nhờ giá xuất khẩu tăng cao, kim ngạch xuất khẩu sang Mỹ trong năm 2025 vẫn tăng nhẹ 2,2% so với năm 2024, đạt 416,5 triệu USD.

Không chỉ Mỹ, xuất khẩu sang tiêu sang một số thị trường lớn khác như UAE và Hà Lan cũng giảm lần lượt 10,7% và 18,8%, xuống còn 12.935 tấn và 8.699 tấn. Các thị trường như Nga, Pakistan, Nhật Bản, Canada... cũng có mức giảm nhẹ.

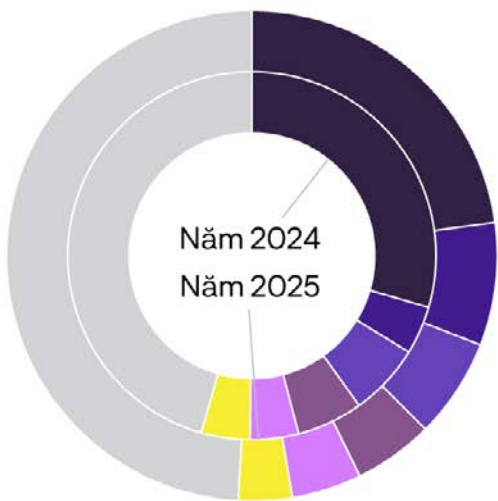
Trong bối cảnh đó, các thị trường khác như Trung Quốc, Ấn Độ và Đức đang đóng vai trò ngày càng quan trọng trong việc phân tán rủi ro và giữ ổn định đầu ra cho ngành hồ tiêu Việt Nam.

Theo đó, Trung Quốc vươn lên trở thành thị trường xuất khẩu hồ tiêu lớn thứ hai của Việt Nam trong năm 2025, với khối lượng đạt 19.923 tấn, tăng mạnh 88% so với năm 2024. Thị phần của Trung Quốc theo đó tăng từ 4,2% lên 8,1%.

Một số thị trường khác cũng ghi nhận mức tăng trưởng tích cực như: Đức đạt 16.167 tấn, tăng 2%; Ấn Độ 11.349 tấn, tăng 7,1%; đặc biệt, Thái Lan tăng trưởng hai con số ở mức 44,1%, đạt 8.234 tấn; Anh tăng 17,1%, đạt 7.074 tấn; Ai Cập tăng 27,5%, đạt 6.769 tấn... **(Biểu đồ 10), (Bảng 3).**

Biểu đồ 10: Cơ cấu thị trường xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam trong năm 2024 và năm 2025

% theo khối lượng. Nguồn: Số liệu từ VPSA và Cục Hải quan Việt Nam.



	Năm 2024	Năm 2025
Mỹ	29,5%	22,8%
Trung Quốc	4,2%	8,1%
Đức	6,3%	6,6%
UAE	5,8%	5,3%
Ấn Độ	4,2%	4,6%
Hà Lan	4,3%	3,5%
Thị trường khác	45,6%	49,1%

Bảng 3: Một số thị trường xuất khẩu hồ tiêu hàng đầu của Việt Nam năm 2025

Nguồn: Số liệu từ Cục Hải quan Việt Nam và VPSA.

Thị trường	Quý IV/2025		So với quý IV/2024		Năm 2025		So với năm 2024		Thị phần theo lượng	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng (%)	Trị giá (%)	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng (%)	Trị giá (%)	Lượng (%)	Trị giá (%)
Tổng	59.629	395.021	▲ 21,7	▲ 43,4	246.132	1.660.855	▼ 1,5	▲ 26,3	100,0	100,0
Mỹ	14.376	104.105	▼ 7,5	▲ 711,6	56.182	416.460	▼ 23,8	▲ 2,2	29,5	22,8
Trung Quốc	4.570		▲ 162,6		19.923		▲ 88,0		4,2	8,1
Đức	3.103	24.273	▲ 6,7	▼ 19,4	16.167	123.766	▲ 2,0	▲ 36,2	6,3	6,6
UAE	4.543	28.369	▲ 194,6	▼ 294,9	12.935	82.231	▼ 10,7	▲ 4,5	5,8	5,3
Ấn Độ	1.254	8.885	▲ 0,5	▼ 68,0	11.349	79.893	▲ 7,1	▲ 54,5	4,2	4,6
Hà Lan	2.209	17.061	▼ 13,9	▲ 115,9	8.699	69.597	▼ 18,8	▲ 9,8	4,3	3,5
Thái Lan	2.727	20.097	▲ 101,9	▲ 21,1	8.234	62.722	▲ 44,1	▲ 73,2	2,3	3,3
Philippines	2.060	10.684	▲ 28,0	▲ 84,7	7.815	41.248	▲ 0,1	▲ 25,7	3,1	3,2
Anh	1.357	9.067	▼ 12,5	▼ 57,9	7.074	52.832	▲ 17,1	▲ 61,6	2,4	2,9
Hàn Quốc	1.242	9.331	▲ 3,3	▲ 10,3	7.052	48.842	▲ 2,0	▲ 24,3	2,8	2,9
Ai Cập	1.352	8.196	▲ 156,1	▼ 19,2	6.769	41.171	▲ 27,5	▲ 57,9	2,1	2,8
Nga	1.194	7.789	▲ 23,6	▲ 23,6	6.093	40.765	▼ 2,3	▲ 22,4	2,5	2,5
Pakistan	1.258	7.163	▲ 89,5	▲ 48,2	5.498	34.168	▼ 4,1	▲ 30,3	2,3	2,2
Thổ Nhĩ Kỳ	1.115	6.902	▲ 133,3	▲ 7,0	4.852	29.535	▲ 13,5	▲ 56,3	1,7	2,0
Nhật Bản	1.236	7.086	▼ 20,3	▼ 3,1	4.542	27.059	▼ 1,5	▲ 25,9	1,8	1,8
Ả Rập Saudi	1.237	8.063	▲ 89,7	▲ 0,7	4.305	28.653	▲ 34,2	▲ 68,3	1,3	1,7
Canada	1.131	8.126	▲ 22,7	▲ 125,3	4.172	29.864	▼ 2,1	▲ 22,2	1,7	1,7
Tây Ban Nha	843	6.007	▲ 0,2	▲ 116,0	3.129	23.256	▼ 11,8	▲ 13,8	1,4	1,3
Pháp	605	4.342	▼ 54,4	▼ 160,4	2.959	16.652	▼ 42,9	▼ 36,4	2,1	1,2
Senegal	270	1.320	▼ 14,6	▼ 72,1	2.755	15.582	▲ 13,9	▲ 38,1	1,0	1,1
Malaysia	703	4.760	▲ 72,7	▼ 6,2	2.547	17.812	▲ 32,2	▲ 61,4	0,8	1,0
Nam Phi	692	4.577	▲ 10,7	▲ 94,0	2.493	15.822	▼ 9,8	▲ 27,8	1,1	1,0
Australia	699	4.876	▼ 0,3	▲ 235,3	2.201	15.651	▼ 12,0	▲ 14,0	1,0	0,9
Ba Lan	456	2.857	▼ 63,2	▼ 257,8	1.880	12.442	▼ 46,0	▼ 36,7	1,4	0,8
Bi	189	1.580	▼ 19,6	▼ 42,1	1.195	9.077	▲ 6,7	▲ 43,4	0,4	0,5
Italy	170	1.246	▼ 43,3	▼ 1.147,4	1.070	7.859	▼ 38,3	▼ 11,7	0,7	0,4
Angiêri	306	1.869	▲ 84,3	▲ 5,7	899	5.537	▲ 42,0	▲ 87,3	0,3	0,4
Kazakhstan	249	1.284	▲ 96,1	▲ 155,7	825	4.319	▲ 18,9	▲ 36,1	0,3	0,3
Singapore	123	929	▼ 22,6	▼ 35,5	667	4.818	▲ 9,2	▲ 32,8	0,2	0,3
Ukraine	186	1.215	▲ 16,3	▼ 43,4	636	4.161	▲ 109,9	▲ 124,3	0,1	0,3
Kuwait	169	1.054	▲ 74,2	▲ 146,2	567	3.759	▲ 6,4	▲ 26,9	0,2	0,2
Myanmar	16	100	▲ 14,3	▲ 86,2	16	100	▲ 14,3	▲ 86,2	0,0	0,0
Khác	7.989		▲ 52,3		30.632		▲ 16,7		10,5	12,4

4 Diễn biến giá

Trong năm 2025, giá hồ tiêu nội địa biến động mạnh theo từng giai đoạn. Trong quý I, giá tăng mạnh và đạt đỉnh vào tháng 3, ở mức bình quân 158.000 đồng/kg đối với tiêu đen và 255.000 đồng/kg đối với tiêu trắng. Tuy nhiên, khi Mỹ công bố các mức thuế quan đối ứng, giá tiêu giảm sâu trong quý II. Đến tháng 6, tiêu đen chạm đáy ở mức 135.000 đồng/kg, còn tiêu trắng giảm xuống 221.000 đồng/kg.

Bước sang quý III, giá tiêu phục hồi rõ rệt, tăng trở lại lên 150.000 đồng/kg đối với tiêu đen và 243.000 đồng/kg đối với tiêu trắng vào tháng 9.

Trong quý IV/2025, giá hồ tiêu nội địa cũng như giá xuất khẩu duy trì tương đối ổn định. Giá tiêu đen phổ biến ở mức 146.000–148.000 đồng/kg, còn tiêu trắng dao động 235.000–239.000 đồng/kg, với biến động không đáng kể so với giai đoạn giữa năm.

So với năm 2024, mặt bằng giá năm 2025 của Việt Nam tăng rất rõ rệt: giá tiêu đen nội địa bình quân cao hơn khoảng 30-40%, tiêu trắng tăng khoảng 20-30%.

Vào thời điểm cuối năm 2025, giá tiêu đen tại các tỉnh thành sản xuất trọng điểm dao động trong khoảng 149.500 – 151.500 đồng/kg, tăng 2.500 – 4.500 đồng/kg so với cùng kỳ năm 2024 và cao gấp 2,5 – 2,6 lần so với cuối năm 2022. Đây là năm thứ ba liên tiếp giá hồ tiêu duy trì xu hướng tăng.

Diễn biến này phản ánh tác động đồng thời của sản lượng trong nước suy giảm, tồn kho toàn cầu thấp và nhu cầu nhập khẩu phục vụ chế biến - tái xuất tiếp tục duy trì cao, qua đó thiết lập một mặt bằng giá mới cao hơn cho ngành hồ tiêu Việt Nam (**Biểu đồ 11**).

Biểu đồ 11: Diễn biến giá bình quân tiêu đen và tiêu trắng tại thị trường trong nước năm 2024 - 2025

Đơn vị: đồng/kg. Nguồn: trang Giatieu.com.



5 Dự báo

VPSEA cho rằng sản lượng hồ tiêu toàn liên tục giảm trong những năm gần đây cho thấy việc duy trì vườn tiêu ở nhiều quốc gia đang gặp rất nhiều khó khăn bởi tình hình thời tiết ngày càng khắc nghiệt, sự cạnh tranh của các cây khác, chi phí vật tư nhân công đầu vào ngày càng tăng cao trong khi việc chăm sóc cây tiêu không hề dễ dàng. Brazil sẽ tiếp tục là điểm sáng duy nhất với diện tích tăng và sản lượng ổn định trong khi hầu hết các nước sản xuất lớn khác đều giảm.

Dự kiến sản lượng Việt Nam 2026 sẽ giảm khoảng 15-20% và ước sản lượng cả năm khoảng 165.000 tấn. Điều này dẫn tới lượng tồn kho của toàn cầu cũng giảm mức thấp trong nhiều năm trở lại đây.

Do giá tiêu đang ở mức cao nên nhu cầu của một số nước chậm lại, đặc biệt là Mỹ áp thuế đối ứng với hầu hết các nước sản xuất khác nên lượng nhập khẩu giảm. Mặc dù Mỹ đã công bố miễn thuế nhưng giá cao vẫn sẽ là điểm nghẽn để đẩy mạnh việc nhập khẩu trong thời gian tới.

Vấn đề thuế GTGT của Việt Nam đã được chính phủ Việt Nam bãi bỏ, điều này sẽ động lực để các doanh nghiệp đẩy mạnh xuất khẩu trong thời gian tới. Tồn kho từ các năm trước (2022, 2023) đã hết, lượng hàng tồn chủ yếu

của 2 năm trở lại đây và ước hàng tồn chuyển sang năm 2026 khoảng trên dưới 40.000 tấn.

Vụ mùa thu hoạch của Việt Nam dự kiến bắt đầu cuối tháng 2/2026 và sẽ kéo dài đến hết tháng 4. Tuy nhiên sẽ khó có tình trạng nông dân bán ra ồ ạt mà chỉ bán một phần để chỉ trả công thu hái cũng như tiền phân bón, một phần khác nông dân đã có đủ tài chính khi giá tiêu ổn định ở mức cao trong suốt một năm qua cũng như nguồn tài chính từ các cây trồng khác như cà phê, sầu riêng.

Cục Xuất nhập khẩu cũng đưa ra dự báo tương tự, cơ quan này cho rằng giá hồ tiêu nhiều khả năng duy trì ở mức cao trong năm 2026 và có xu hướng tăng, do nguồn cung toàn cầu suy giảm mạnh (dự báo giảm từ 15–20%), tồn kho thấp, trong khi nhu cầu thế giới tăng. Tuy nhiên, trị giá xuất khẩu tiêu của Việt Nam có thể tăng chậm hơn sản lượng, bởi doanh nghiệp chịu áp lực thiếu nguyên liệu và rào cản kỹ thuật ngày càng khắt khe từ các thị trường lớn.

Về trung và dài hạn, việc siết chặt quản lý thuốc bảo vệ thực vật, đẩy mạnh sản xuất bền vững, chế biến sâu và truy xuất nguồn gốc sẽ giúp nâng cao giá trị xuất khẩu, cải thiện khả năng tiếp cận thị trường cao cấp và củng cố vị thế hạt tiêu Việt Nam, dù quá trình chuyển đổi có thể làm chi phí và sàng lọc doanh nghiệp tăng trong ngắn hạn. ■

Phần III:

Hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp trong ngành



Năm 2025, các doanh nghiệp thành viên của VPSSA chiếm 85,7% tổng khối lượng xuất khẩu, đạt 211.998 tấn, giảm 4,6% so với năm 2024. Ngược lại, nhóm doanh nghiệp ngoài VPSSA chỉ chiếm 14,3% tỷ trọng nhưng lại ghi nhận mức tăng trưởng mạnh 24,9% lên 35.484 tấn.

Các doanh nghiệp xuất khẩu hàng đầu hồ tiêu Việt Nam trong năm 2025 bao gồm: Olam Việt Nam đạt 24.005 tấn, chiếm 9,7% thị phần và giảm 13,7% so với năm 2024. Tiếp theo là Phúc Sinh đạt 20.863 tấn, chiếm 8,4%, giảm 6,4%; Nedspice Việt Nam đạt 20.530 tấn, chiếm 8,3%, tăng 0,5%; Simexco Đắk Lắk đạt 15.201 tấn, chiếm 6,1%, tăng 13,8% và Haprosimex JSC đạt 14.511 tấn, chiếm 5,9% thị phần và giảm 18,9% so với năm trước.

Ông Phan Minh Thông - Chủ tịch HĐQT Phúc Sinh Group, cho biết trong bối cảnh thế giới nhiều biến động và cạnh tranh gay gắt, hồ tiêu của Việt Nam vẫn duy trì được vị thế. Kết quả trên đạt được nhờ hoạch định chiến lược rõ ràng, kiên định, cùng với việc đánh giá đúng và khách quan diễn biến của thị trường toàn cầu.

Cũng theo ông Thông, không chỉ xuất khẩu tiêu thô, nhiều doanh nghiệp đã đầu tư xây dựng nhà máy, công nghệ chế biến nhằm nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm xuất khẩu. Riêng trong năm 2025, Phúc Sinh đã nâng công suất nhà máy tiêu sấy lạnh và các dòng sản phẩm nước sốt tiêu, những mặt

hàng hiện được Phúc Sinh xuất khẩu độc quyền từ Việt Nam ra thị trường quốc tế. Cùng với đó, nhiều dự án nhà máy chế biến sâu khác cũng đang được khởi công và triển khai, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững trong thời gian tới.

Theo thống kê của VPSSA, Việt Nam hiện có khoảng 200 doanh nghiệp chế biến, kinh doanh hồ tiêu. Trong đó, 15 doanh nghiệp hàng đầu chiếm 70% lượng xuất khẩu cả nước.

Toàn ngành có 14 nhà máy chế biến sâu, theo tiêu chuẩn quốc tế, từ đó tạo ra sản phẩm đa dạng như tiêu đen, trắng nguyên hạt, tiêu nghiền bột, đóng gói nhỏ...

Các chuyên gia cho rằng, để nâng cao giá trị xuất khẩu trong trung và dài hạn, ngành hồ tiêu cần chuyển mạnh từ tư duy sản lượng sang tư duy chất lượng và giá trị. Điều này bao gồm việc tổ chức lại vùng nguyên liệu, áp dụng canh tác bền vững, kiểm soát dư lượng và đầu tư chế biến sâu.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp cần phải chú trọng hơn vào phát triển sản phẩm song song với phát triển thị trường, chuyển hướng sang sản xuất xanh, giảm phát thải. Bởi thị trường thế giới được chia thành nhiều phân khúc với các tiêu chí khác nhau, việc đa dạng hoá thị trường sẽ giúp doanh nghiệp phát triển bền vững hơn **(Bảng 4).** ■

Bảng 4: TOP 30 doanh nghiệp xuất khẩu hồ tiêu lớn nhất của Việt Nam trong năm 2025

Nguồn: Số liệu từ VPSA.

S T T	Doanh nghiệp	Năm 2023 (tấn)	Năm 2024 (tấn)	Năm 2025 (tấn)	So sánh năm 2025 với năm 2024 (%)	So sánh năm 2025 với năm 2023 (%)	Thị phần năm 2025 (%)
	Tổng	264.094	250.600	247.482	▼ 1,2	▼ 6,3	100,0
	VPSA	183.960	222.201	211.998	▼ 4,6	▲ 15,2	85,7
	Non-VPSA	80.134	28.399	35.484	▲ 24,9	▼ 55,7	14,3
1	Olam Việt Nam	20.306	27.800	24.005	▼ 13,7	▲ 18,2	9,7
2	Phúc Sinh	15.802	22.293	20.863	▼ 6,4	▲ 32,0	8,4
3	Nedspice Việt Nam	19.187	20.420	20.530	▲ 0,5	▲ 7,0	8,3
4	Simexco Đắk Lắk	5.335	13.352	15.201	▲ 13,8	▲ 184,9	6,1
5	Haprosimex JSC	10.927	17.899	14.511	▼ 18,9	▲ 32,8	5,9
6	Pearl Group	16.538	16.210	11.299	▼ 30,3	▼ 31,7	4,6
7	DK Commodity	6.199	7.138	8.053	▲ 12,8	▲ 29,9	3,3
8	Harris Spice	10.012	9.185	7.994	▼ 13,0	▼ 20,2	3,2
9	Gia vị Sơn Hà	6.522	8.326	7.585	▼ 8,9	▲ 16,3	3,1
10	Intimex Group	3.621	5.171	6.287	▲ 21,6	▲ 73,6	2,5
11	Prosi Thăng Long	5.830	5.726	6.057	▲ 5,8	▲ 3,9	2,4
12	Ptexim Corp	5.499	6.059	6.024	▼ 0,6	▲ 9,5	2,4
13	Hoàng Gia Luân	1.335	5.090	5.839	▲ 14,7	▲ 337,4	2,4
14	Synthite Việt Nam	4.677	3.545	4.853	▲ 36,9	▲ 3,8	2,0
15	Expo Commodities	3.011	3.796	4.853	▲ 27,8	▲ 61,2	2,0
16	Liên Thành	9.233	12.224	4.676	▼ 61,7	▼ 49,4	1,9
17	Sinh Lộc Phát	2.733	4.119	4.341	▲ 5,4	▲ 58,8	1,8
18	Phúc Lợi	2.500	2.522	3.974	▲ 57,6	▲ 59,0	1,6
19	Saigon Spices		1.150	3.324	▲ 189,0		1,3
20	Pitco	4.599	2.907	2.989	▲ 2,8	▼ 35,0	1,2
21	TM Anh Vũ		95	2.958	▲ 3.013,7		1,2
22	Phong Hằng	1.622	2.245	2.919	▲ 30,0	▲ 80,0	1,2
23	Ân Nga	3.730	32	2.617	▲ 8.078,1	▼ 29,8	1,1
24	Generalexim	768	907	2.515	▲ 177,3	▲ 227,5	1,0
25	Ottogi Việt Nam	1.968	2.832	2.208	▼ 22,0	▲ 12,2	0,9
26	Hanfimex Việt Nam	2.037	3.426	1.991	▼ 41,9	▼ 2,3	0,8
27	KSS Việt Nam	1.944	1.949	1.978	▲ 1,5	▲ 1,7	0,8
28	MKPRO	2.266	1.405	1.956	▲ 39,2	▼ 13,7	0,8
29	XNK Diệu Phú	64	123	1.930	▲ 1.469,1	▲ 2.915,6	0,8
30	Nhật Quang	1.810	840	1.817	▲ 116,3	▲ 0,4	0,7
	Khác	94.019	41.814	41.335	▼ 1,1	▼ 56,0	16,7

Phần IV:

Sự kiện nổi bật trong ngành hồ tiêu



Ngành hồ tiêu bước vào giai đoạn “giữ thị phần bằng chất lượng”

Dù đạt được những con số ấn tượng nhưng các doanh nghiệp cho rằng, bước sang năm 2026, ngành hồ tiêu sẽ phải đối diện với nhiều khó khăn mới đến từ chính nội tại của ngành.

Tại Hội nghị Thường niên Hiệp hội Hồ tiêu và cây gia vị Việt Nam năm 2025, diễn ra ngày 14/1, ông Hồ Trí Nhuận, Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Gohan, cho rằng năm 2026 là một năm nhiều thách thức, có thể gọi là năm tiền đề báo hiệu một chu kỳ khó khăn mới cho ngành hồ tiêu trong thời gian tới. Khi chứng kiến sản lượng hồ tiêu năm nay, sẽ giảm rất nhiều so với năm 2024 và 2025 giữa lúc nhu cầu tiêu thụ của thị trường được dự báo sẽ tăng lên rất nhiều.

“Sản lượng hồ tiêu của nước ta giảm lũy tiến từ năm 2020 đến nay đã là 50.000 tấn. Con số này sẽ không dừng lại, khi mùa vụ năm nay có khả năng giảm mạnh do ảnh hưởng của thời tiết. Trong khi đó, lượng hồ tiêu tồn kho trên thế giới đã giảm rất nhiều. Một số quốc gia như Mỹ, Trung Quốc được dự báo sẽ tăng cường nhập khẩu. Thế nhưng, điều quan trọng là hồ tiêu ở đâu để cung ứng”, ông Nhuận chia sẻ thêm.

Đánh giá sơ bộ về sản lượng vụ tiêu năm 2026, VSPA cho rằng sản lượng ước giảm khoảng 15-20% so với năm 2025, do mùa vụ thu hoạch gặp nhiều bất lợi về thời tiết.

“Giai đoạn đầu năm ghi nhận khô hạn kéo dài tại nhiều vùng trọng điểm như Đắk Lắk, Gia Lai, Đắk Nông và Bình Phước, làm giảm khả năng phân hóa mầm hoa và tỷ lệ đậu trái. Sang mùa mưa, mưa lớn và ẩm độ cao lại làm gia tăng bệnh thối rễ, chết chậm và nấm phytophthora

tại các vườn già, ảnh hưởng tiêu cực đến sinh trưởng và sức cây cho vụ sau”, bà Hoàng Thị Liên, Chủ tịch VPSA thông tin thêm.

Ở góc độ thị trường, bà Lê Vũ Thuỳ Dung, đại diện Công ty Simexco Daklak, cho biết mặc dù đạt được kim ngạch xuất khẩu cao, hồ tiêu Việt Nam cũng sẽ phải đối mặt với hàng rào kỹ thuật chưa từng có đến từ các nước nhập khẩu, trong năm 2026. Vấn đề được nêu lên hàng đầu đến từ câu chuyện kiểm soát dư lượng thuốc bảo vệ thực vật (BVTV).

“Hiện nay, các nước đang ngày càng nâng cao kiểm tra lượng tồn dư chất hoá học trong hạt tiêu xô và thành phẩm, cùng rất nhiều yêu cầu hàng rào kỹ thuật liên quan được dựng lên. Như Châu Âu chẳng hạn, từ vài trăm hoạt chất được giới hạn dư lượng nay đã lên 1 ngàn hoạt chất. Hay Mỹ, Hàn Quốc và Đài Loan liên tục cập nhật các quy định mới, mà nếu doanh nghiệp không kịp thời nắm bắt, rất dễ bị thiệt hại khi hàng không xuất khẩu được”, bà Dung nói.

Minh chứng cho điều này, bà Dung đã chia sẻ câu chuyện từ chính doanh nghiệp mình rằng, năm 2023, đơn vị tiến hành lấy mẫu tiêu xô để kiểm tra dư lượng thuốc BVTV thì tỷ lệ đạt 60%, đến năm 2024 lên 72% và mục tiêu của chúng tôi năm 2025 tỷ lệ đạt phải trên 70%, thế nhưng điều đó đã không xảy ra, khi thực tế kiểm tra dư lượng này lại rớt xuống 60%.

“Thậm chí có những mẫu tiêu xô gửi khách hàng đạt nhưng khi kiểm tra dư lượng trong mẫu thành phẩm lại không đạt. Nhiều đối tác đã đến tận vùng trồng để điều tra nguyên nhân. Kết quả bước đầu đánh giá, có thể là do nhiễm chéo từ các nguồn lây của những cây trồng khác”, Bà Dung cho biết thêm.

Điều đó cho thấy, những rủi ro tiềm ẩn đang có xu hướng ngày càng gia tăng. Do đó, đòi hỏi các doanh nghiệp cần nhanh chóng đưa ra nhiều giải pháp đồng bộ, để ngăn chặn những thiệt hại không đáng có cho doanh nghiệp và người nông dân.

Ở góc độ quản lý ngành, ông Nguyễn Quang Hiếu, Phó Cục trưởng Cục Trồng trọt và BVTV (Bộ Nông nghiệp và Môi trường), cho hay Cục sẽ tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản lý thuốc, đẩy mạnh công tác công nhận các hoạt chất đảm bảo an toàn và loại bỏ những loại thuốc gây ảnh hưởng đến sức khỏe, môi trường, đáp

ứng được yêu cầu của thị trường cũng như sự phát triển bền vững của ngành.

“Việc sản xuất hồ tiêu sẽ chuyển trọng tâm từ phòng trừ sang quản lý cây trồng, một cách chủ động, kiểm soát ngay các dịch hại từ yếu tố đầu vào. Quan trọng là gắn hoạt động sử dụng thuốc BVTV với yêu cầu thị trường. Ngành hồ tiêu cần xây dựng chuỗi giá trị sản xuất gắn với chế biến sâu, áp dụng các kỹ thuật tiên tiến để nâng cao giá trị và thương hiệu hồ tiêu Việt, khi thị trường ngày càng có yêu cầu cao và hướng đến việc áp dụng truy xuất nguồn gốc”, ông Hiếu nói. ■

Phụ lục

NGUỒN THAM KHẢO

Cục Hải quan Việt Nam
Bộ Công Thương
Hiệp hội Hồ tiêu và cây gia vị Việt Nam (VPSPA)
Hiệp hội Hồ tiêu Quốc tế (IPC)
Trung tâm Thống kê Ngoại thương Nhà nước Brazil
(Comex Stat)
Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC)

Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ
(USITC)
Tổng cục Hải quan Trung Quốc
Nedspice Group
Khmer Times
Thehindubusinessline

BẢN QUYỀN

Báo cáo “Thị trường hồ tiêu năm 2025” được biên tập viên mục Hàng hóa của VietnamBiz tổng hợp và trình bày. Các số liệu, thông tin và những phân tích được tổng hợp trong báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin và không được sử dụng như lời khuyên cho việc tư vấn kinh doanh, tài chính và những lĩnh vực chuyên nghiệp khác.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Thông tin và tài liệu trong báo cáo được nỗ lực tổng hợp dưới dạng sẵn có một cách chính xác nhất có thể. Tuy nhiên, tác giả không đảm bảo tính chính xác, sự thích hợp hay đầy đủ của các thông tin và số liệu, đồng thời tuyên bố miễn trừ hoàn toàn trách nhiệm đối với các lỗi hoặc thiếu sót trong các thông tin và số liệu này.

GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM

VietnamBiz sẽ không chịu trách nhiệm bồi thường đối với bất kì chi phí, tổn thất hoặc thiệt hại nào cho dù trực tiếp hay gián tiếp, có liên quan tới hoặc là hậu quả của việc sử dụng báo cáo, hoặc liên quan tới những thiếu sót, sai sót.

ĐỂ THEO DÕI NHỮNG BÁO CÁO GẦN NHẤT CỦA CHÚNG TÔI, XIN TRUY CẬP:

- Mục Báo cáo hàng hóa - Chuyên mục Hàng hóa VietnamBiz
- Báo cáo thị trường hồ tiêu quý III/2025
- Báo cáo thị trường hồ tiêu tháng 10/2025
- Báo cáo thị trường hồ tiêu tháng 11/2025

THỰC HIỆN:

Nội dung: **Hoàng Hiệp**

Thiết kế: **Vân Miên**

MỌI Ý KIẾN ĐÓNG GÓP VỀ BÁO CÁO THỊ TRƯỜNG, XIN LIÊN HỆ TỚI:

Mrs. Trịnh Huyền Trang

Thư ký toà soạn phụ trách mục Hàng hóa - trang TTĐTTH VietnamBiz

Hotline: 099 522 2999

Email: info@vietnambiz.vn



Địa chỉ: Lầu 5 - Tòa nhà COMPA Building - 293 Điện Biên Phủ - Phường Gia Định - TP Hồ Chí Minh

Chi nhánh: Số 5 - ngõ 38A - Phố Trần Phú - Phường Ba Đình - TP Hà Nội

Hotline: 0938.1892224

Email: info@vietnambiz.vn

Vận hành bởi  VIETNEWS CORP